

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 01 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nông Thị Dần
- Bà Không Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2024; về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-ST, ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; "có mặt"

- Bị đơn: Anh Hoàng Đức K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2024 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Đức K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ

chồng đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên đến cuối năm 2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang sinh sống và vợ chồng chị đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa, việc ai người đẩy làm, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Đức K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh L sinh ngày 20/02/2013, hiện cháu ly đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Đức K vắng mặt, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho Trưởng thôn V, xã V là ông Trần Ngọc Q, ông Q đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh K được biết việc chị H yêu cầu ly hôn anh K. Tòa án triệu tập anh K đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh K đều vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh K nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh ngày 24/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với ông Trần Ngọc Q - Là Trưởng thôn Vĩnh Gia, xã V và ông Hoàng Văn L1 là Công chức Tư pháp - Hộ tịch, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nơi chị H và anh K sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Đức K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang theo đúng quy định của pháp luật; trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên đến cuối năm 2020 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang sinh sống và vợ chồng anh chị đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 20/02/2013 hiện nay cháu L đang ở cùng với chị H và cháu Hoàng Khánh L đã trên bảy tuổi trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh K thì quan

điểm của chính quyền xã V là đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của cháu và giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ, do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hoàng Đức K.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 20/02/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Đức K có nơi cư trú tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án thông qua trưởng thôn V, xã V anh Hoàng Đức K nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh K vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh K vắng

mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Đức K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Đức K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 03/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên đến cuối năm 2020 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang sinh sống và vợ chồng anh chị đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh K nhưng anh K vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị H. Chị H xác định không còn tình cảm với anh K, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị H kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 20/02/2013. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị H đang nuôi cháu L, anh chị đều là lao động tự do, ngoài ra quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu L, cháu L có nguyện vọng được ở với chị H. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu L và đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của cháu L, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu L cho chị H được trực tiếp nuôi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hoàng Đức K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Đức K.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 20/02/2013 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh K, chị H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0002175, ngày 25/11/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vĩnh Phúc (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

